TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ BA ĐỒN
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ BA ĐỒN, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông: Phan Thanh Bảo.
2. Ông Hoàng Chí Tình.

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Tuấn – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ba Đồn tham gia phiên tòa: Ông Trần Ngọc Hà – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh Quảng Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991.
Nơi cư trú: thôn X, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987.
Nơi cư trú: thôn X, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 26/02/2019, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn T có quá trình tìm hiểu và đi đến kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Uỷ ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Quảng Bình (Nay là thị xã B, tỉnh Quảng Bình) cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 26/7/2010. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân theo chị T trình bày là do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, anh T thường xuyên say rượu. Ngoài ra, gia đình hai bên nội ngoại xảy ra nhiều mâu thuẫn, không thể hàn gắn được. Chị và anh T đã sống ly thân từ tháng 12/2014 cho đến nay. Chị T nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự sâu sắc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân

không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Quá trình chung sống chị T trình bày vợ chồng có 01 con chung là Hoàng Văn T1, sinh ngày 15/7/2013. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung không có nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 28/02/2019 Tòa án nhân dân thị xã B đã thụ lý vụ án về việc "Tranh chấp ly hôn" theo đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị T. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thị xã B đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng thủ tục pháp luật quy định. Tòa án đã tống đạt các văn bản tố tụng bao gồm Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ba lần vào các ngày 20/3/2019; 10/4/2019 và 08/5/2019 nhưng anh Hoàng Văn T không chấp hành nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai và hòa giải được.

Tại phiên tòa, chị T trình bày vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn với anh Hoàng Văn T.

Ý kiến phát biểu của kiểm sát viên:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã thực hiện và chấp hành quyền và nghĩa vụ đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn anh Hoàng Văn T không chấp hành các quy định của pháp luật không đến tham gia phiên tòa mặc dù đã được tống đạt hợp lệ

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, xét xử vắng mặt anh Hoàng Văn T, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn và xử chị Nguyễn Thị T ly hôn anh Hoàng Văn T; về quan hệ con chung: Giao cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 15/7/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn T không cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung không có nên không xem xét.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo kết quả xác minh mà Uỷ ban nhân dân xã T cung cấp thì thời điểm chị T làm đơn khởi kiện xin ly hôn với anh T thì anh T vẫn có hộ khẩu thường trú tại thôn X, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình. Mặt khác, qua biên bản xác minh ngày 04/6/2019 bố đẻ anh Thành là ông Hoàng Văn K xác định hiện anh T vẫn sinh sống với gia đình tại thôn X, xã T, thị xã B, tỉnh Quảng Bình cho đến nay và các lời khai của chị T là đúng sự thật. Tuy nhiên, hiện tại vì anh T làm việc ở xa nên không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án được, gia đình đã liên lạc cho anh T nhưng anh không cho biết địa chỉ cụ thể ở đâu, chỉ thông qua điện thoại liên lạc về

nhà anh T đồng ý ly hôn. Các văn bản tố tụng của Tòa án nhân dân thị xã B ông K là bố đẻ anh T đã trực tiếp nhận và đã thông báo cho anh T biết. Điều đó chứng tỏ các văn bản tố tụng của Tòa án đã được tống đạt hợp lệ nhưng anh T không chấp hành. Do vậy, Tòa án nhân dân thị xã B căn cứ khoản 1 Điều 28, Điều 35 và Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn thụ lý vụ án và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung mà pháp luật đã quy định.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh T là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được hơn hai năm thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, do tính tình không hợp nhau, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, không tôn trọng nhau. Hiện tại các bên đương sự đang sống ly thân. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh T đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về quan hệ con chung: Cháu Hoàng Văn T1, sinh ngày 15/7/2013 hiện sinh sống và học tập ổn định với chị T. Sau khi ly hôn chị T cũng có nguyện vọng được tiếp tục chăm sóc và nuôi dưỡng con chung. Do vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung cho chị Thân tiếp tục chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị T xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét là phù hợp.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 5; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Xét xử vụ án vắng mặt bị đơn anh Hoàng Văn T.

2. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Xử cho chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn T.

3. Về quan hệ con chung: Giao con chung Hoàng Văn T1, sinh ngày 15/7/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Hoàng Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở.

4. Về quan hệ tài sản: Không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị T nộp 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* tiền án phí ly hôn để sung vào công quỹ Nhà nước. Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* chị T đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thị

xã Ba Đồn, tỉnh Quảng Bình theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002324 ngày 27 tháng 02 năm 2019. (Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí)

Án xử sơ thẩm, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

(Đã ký)

Trần Anh Tuấn

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Ủy ban nhân dân xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.